TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **28**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-5-2022
Về việc:"Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Văn Tư**
Ông **Phạm Văn Giới**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Bà **Đỗ Thị Hường** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc "*Ly hôn,tranh chấp nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1992 (xin vắng mặt)
*Bị đơn: Chị **Trương Thị Thu T1**, sinh năm 1997 (xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Anh T và chị Trương Thị Thu T1 chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2017.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có sự cảm thông nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Từ năm 2020 đến nay, anh T và chị T1 sống ly thân. Nay, anh T xác định tình cảm giành cho chị T1 đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Trương Thị Thu T1.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Trương Anh T2, sinh ngày 04/5/2014. Khi ly hôn, anh T có yêu cầu giao cháu T2 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T2 trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

- Tại bản tự khai, bị đơn chị Trương Thị Thu T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh T chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2017. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không có sự quan T1 chia sẻ nên dẫn đến cãi nhau. Từ năm 2020 đến nay, chị T1 và anh T sống ly thân. Nay chị T1 xác định tình cảm giành cho anh T đã hết nên trước yêu cầu ly hôn của anh T thì chị T1 cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Trương Anh T2, sinh ngày 04/5/2014. Chị T1 có yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thâm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Anh T và chị Trương Thị Thu T1; giao con chung là cháu Nguyễn Trương Anh T2, sinh ngày 04/5/2014 cho chị T1 trực tiếp, chăm nom nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T2 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Nguyễn anh T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con với Trương Thị Thu T1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con " được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Do bị đơn là chị Trương Thị Thu T1 cư trú tại ấp Đồng Bia, xã T, huyện Đ, tỉnh B; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn anh Nguyễn Anh T và chị

Trương Thị Thu T1 nhưng anh T và chị T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét cần áp dụng Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh T và chị T1.

Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh T và chị Trương Thị Thu T1 chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh B vào năm 2017. Xét đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau dẫn đến mâu thuẫn. Anh T và chị T1 không tìm được cách giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống hôn nhân nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, sống không có hạnh phúc. Từ năm 2021 đến nay cả hai sống ly thân không còn quan T1 đến cuộc sống của nhau. Cả hai đều xác định tình cảm giành cho nhau đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho anh Nguyễn Anh T được ly hôn với chị Trương Thị Thu T1 là phù hợp.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Trương Anh T2, sinh ngày 04/5/2014. Chị T1 có yêu cầu được nuôi cháu T2 và anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T2 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T2 trưởng thành. Xét việc cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm và nghĩa vụ của người làm cha, mẹ để đảm bảo cho con chung một cuộc sống tốt và anh T cũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

***1. Về hôn nhân*:** Tuyên xử cho anh Nguyễn Anh T được ly hôn với chị Trương Thị Thu T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trương Anh T2, sinh ngày 04/5/2014 cho chị Trương Thị Thu T1 trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và anh Nguyễn Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 cho đến khi cháu T2 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*), nguyên đơn anh Nguyễn Anh T phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018768, ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, anh Nguyễn Anh T phải nộp.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Đồng Phú;*
- *THA huyện Đồng Phú;*
- *UBND xã Tân Tiến;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - chủ toạ phiên toà**

Hoàng Văn Tư – Phạm Văn Giới **Nguyễn Thị Hương**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ – TỈNH BÌNH PHƯỚC

Vào hồi giờ phút, ngày 19 tháng 5 năm 2022
Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Hương**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Hoàng Văn Tư**
Ông **Phạm Văn Giới**

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 66/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc "*Ly hôn,tranh chấp nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Anh T**, sinh năm 1992 (xin vắng mặt)

*Bị đơn: **Chị Trương Thị Thu T1**, sinh năm 1997 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp Đồng Bia, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi xem xét, thảo luận các thành viên trong Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 như sau :

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

***1. Về hôn nhân*:** Tuyên xử cho anh Nguyễn Anh T được ly hôn với chị Trương Thị Thu T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trương Anh T2, sinh ngày 04/5/2014 cho chị Trương Thị Thu T1 trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và anh Nguyễn Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 cho đến khi cháu T2 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*), nguyên đơn anh Nguyễn Anh T phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018768, ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, anh Nguyễn Anh T phải nộp.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Biên bản kết thúc vào lúc ... giờ .... phút cùng ngày. Đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán chủ toạ phiên toà**

Hoàng Văn Tư – Phạm Văn Giới **Nguyễn Thị Hương**